

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG TH, THCS và THPT QUỐC TẾ

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 – 2023

| STT        | Nội dung                                                              | Tổng số | Chia ra theo khối lớp |       |       |       |       |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|
|            |                                                                       |         | Lớp 1                 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số học sinh</b>                                               | 146     | 36                    | 33    | 17    | 23    | 37    |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>                                    | 146     | 36                    | 33    | 17    | 23    | 37    |
| <b>III</b> | <b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>                      | 146     | 36                    | 33    | 17    | 23    | 37    |
| 1          | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         |         | 94.44                 | 93.93 | 94.11 | 100   | 97.29 |
| 2          | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                         |         | 5.56                  | 6.07  | 5.89  |       | 2.71  |
| 3          | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                 |         |                       |       |       |       |       |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>                          | 146     | 36                    | 33    | 17    | 23    | 37    |
| 1          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                              |         | 83.33                 | 63.63 | 70.58 | 100   | 100   |
| 2          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                  |         | 16.67                 | 36.37 | 29.42 |       |       |
| 3          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)                             |         |                       |       |       |       |       |
| <b>V</b>   | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                      | 146     | 36                    | 33    | 17    | 23    | 37    |
| 1          | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                     |         | 100                   | 100   | 100   | 100   | 100   |
| a          | Trong đó:<br>HS được khen thưởng cấp trường<br>(tỷ lệ so với tổng số) |         | 91.67                 | 91    | 100   | 100   | 100   |
| b          | HS được cấp trên khen thưởng<br>(tỷ lệ so với tổng số)                |         |                       |       |       |       |       |
| 2          | Ở lại lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                   |         |                       |       |       |       |       |



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2023  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lông Đức Thắng

